

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Quý II năm 2009

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2009

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Nội dung	Mã số	Số cuối quý	Số đầu năm
I.	Tài sản ngắn hạn	100	324,901,545,848	213,216,905,612
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	119,906,929,595	1,251,425,338
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	83,242,926,080	94,458,950,354
4	Hàng tồn kho	140	114,637,957,593	111,912,066,232
5	Tài sản ngắn hạn khác	150	7,113,732,580	5,594,463,688
II	Tài sản dài hạn	200	131,569,914,935	121,903,494,256
1	Các khoản phải thu dài hạn	210		
2	Tài sản cố định	220	92,128,058,785	80,908,724,728
	- Tài sản cố định hữu hình		73,531,106,462	62,269,972,323
	- Tài sản cố định vô hình		2,929,952,323	2,971,752,405
	- Tài sản cố định thuê tài chính			
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		15,667,000,000	15,667,000,000
3	Bất động sản đầu tư	240		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	20,160,000,000	20,160,000,000
5	Tài sản dài hạn khác	260	19,281,856,150	20,834,769,528
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	456,471,460,783	335,120,399,868
IV	Nợ phải trả	300	315,904,638,338	181,330,557,315
1	Nợ ngắn hạn	310	315,384,638,338	180,810,557,315
2	Nợ dài hạn	330	520,000,000	520,000,000
V	Vốn chủ sở hữu	400	140,566,822,445	153,789,842,553
1	Vốn chủ sở hữu	410	138,084,172,373	152,751,815,230
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		80,000,000,000	79,000,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần		34,200,000,000	34,200,000,000
	- Cổ phiếu quỹ		(10,835,225,761)	(4,663,837,185)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoi			
	- Các quỹ		32,667,774,575	32,060,225,531
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2,051,623,559	12,155,426,884
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB			
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	2,482,650,072	1,038,027,323
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi		2,482,650,072	1,038,027,323
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	456,471,460,783	335,120,399,868

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Chỉ tiêu	Mã số	Quý II/2009	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	215,100,007,782	339,127,753,680
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	215,100,007,782	339,127,753,680
4	Giá vốn hàng bán	11	205,891,453,696	319,627,727,158
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	9,208,554,086	19,500,026,522
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	4,109,351,034	6,606,797,905
7	Chi phí tài chính	22	2,611,923,855	6,589,890,249
8	Chi phí bán hàng	24	6,883,779,268	12,290,533,612
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	2,831,250,876	5,226,971,073
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	990,951,121	1,999,429,493
11	Thu nhập khác	31	63,705,824	66,338,144
12	Chi phí khác	32	-	-
13	Lợi nhuận khác	40	63,705,824	66,338,144
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	1,054,656,945	2,065,767,637
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp		8,529,274	18,590,078
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	1,046,127,671	2,047,177,559
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	142	273

Sóc Trăng, ngày 23 tháng 07 năm 2009

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

P.TỔNG GIÁM ĐỐC

HỒ QUANG TRÍ

TÔ MINH CHĂNG

PHẠM HOÀNG VIỆT